

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 610/2020/HS-PT

Ngày: 23/12/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà;

Các Thẩm phán: Ông Thái Duy Nhiệm;

Ông Bùi X Trọng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Nga, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Huy, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 23 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh N, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 564a/TL-HSPT ngày 31 tháng 07 năm 2020 đối với các bị cáo Ngô Thị O và Nguyễn Thị H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 170/2019/HS-ST ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh N.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Ngô Thị O**; sinh năm 1969; Nơi ĐKKHKT: xóm V1, xã H1, thành phố V, tỉnh N; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Ngô Sỹ D (đã chết) và bà: Nguyễn Thị B (đã chết); Chồng: Lê Hồng H2 (đã chết) và 03 con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 27/12/2011, Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh N xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 15 tháng về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức”. Hiện đã được xóa án tích; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/12/2018 cho đến nay; có mặt.

* *Người bào chữa cho bị cáo Ngô Thị O:* Luật sư Đậu Đình H3, Văn phòng luật sư P thuộc Đoàn luật sư tỉnh N; có mặt.

2. **Nguyễn Thị H**; sinh năm 1985; Nơi ĐKKHKT: Khối 8, phường L, thành phố V, tỉnh N; Tạm trú tại: xã H5, huyện H4, tỉnh N; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt

Nam; Con ông: Nguyễn Văn T và bà: Hoàng Thị B1; Chồng: Nguyễn Thanh T1 và 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại, vắng mặt.

Ngoài ra còn có bị cáo Nguyễn Thị T2 không kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh N, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do quen biết nhau từ trước nên Ngô Thị O, sinh năm 1969, trú tại xóm V1, xã H1, thành phố V, tỉnh N và Nguyễn Thị H, sinh năm 1985, trú tại khối 08, phường L, thành phố V, tỉnh N đều là những người không có việc làm ổn định, không có chức năng, nhiệm vụ trong bố trí việc làm nhưng cả hai đã bàn bạc thống nhất với nhau nhận hồ sơ, tiền “xin việc làm” vào các bệnh viện, trung tâm huyết học trên địa bàn tỉnh N; Ngô Thị O chịu trách nhiệm tìm người lao động, nhận hồ sơ và tiền của người lao động; Nguyễn Thị H chịu trách nhiệm liên hệ “xin việc làm”. Ngoài ra, Ngô Thị O còn bàn bạc, thống nhất với Nguyễn Thị T2, sinh năm 1975, là cán bộ khu Y nông thuộc Trạm khu Y nông thành phố V, tỉnh N tìm người lao động để O “xin việc làm” cho họ và được T2 thống nhất thực hiện.

Trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến năm 2018, Ngô Thị O, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị T2 đều không “xin việc làm” được cho bất cứ một trường hợp nào. Ngô Thị O đã thực hiện 10 vụ lừa đảo với tổng số tiền chiếm đoạt 2.749.400.000đ. Trong số đó: Nguyễn Thị H đã thực hiện 06 vụ lừa đảo với số tiền Hằng đã chiếm đoạt là 420.000.000đ (bốn trăm hai mươi triệu đồng); Nguyễn Thị T2 thực hiện 01 vụ lừa đảo với số tiền T2 đã chiếm đoạt là 210.000.000đ (hai trăm mười triệu đồng). Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất:

Từ năm 2014 đến năm 2017, thông qua mối quan hệ quen biết nên Đoàn Thị Lê N2, sinh năm 1983, trú tại khối 01, phường H6, thành phố V, tỉnh N đã tìm gặp Ngô Thị O để nhờ O liên hệ xin việc cho người quen của N2. Đoàn Thị Lê N2 đã giao tiền và hồ sơ cho Ngô Thị O để nhờ xin việc làm cho những người lao động sau:

1. Anh Đoàn Mạnh C2, sinh năm 1985, trú tại phường V2, thành phố V (em trai N2). N2 nhờ O xin cho C2 vào lái xe ở Trung tâm huyết học truyền máu N. O đã nhận hồ sơ và số tiền là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), nhưng không xin được việc.

2. Chị Dương Thị T3, sinh năm 1993, trú tại xóm 4, xã B2, xã H7, huyện H4, tỉnh N. N2 nhờ O xin cho T3 vào làm điều dưỡng ở Trung tâm huyết học và truyền máu N. Ngày 21/10/2016, Dương Thị T3 đã giao cho O số tiền 105.000.000đ (một trăm linh năm triệu đồng) có sự chứng kiến của Đoàn Thị Lê N2. Để tạo lòng tin O đã bảo N2 nói Dương Thị T3 tự nộp hồ sơ học việc (phải tự đóng học phí), rồi sau sẽ có quyết định viên chức, nhưng không thực hiện.

3. Chị Đậu Thị Hải Y, sinh năm 1984, trú tại khối 11, Phường H8, thành

phố V, tỉnh N. N2 nhờ O xin cho Y vào làm kế toán ở Trung tâm huyết học và truyền máu N. O nói chi phí là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng). O đã nhận tiền của N2 để xin việc cho Y nhưng không thực hiện.

4. Chị Võ Thị Thanh H, sinh năm 1987, trú tại khối 33, phường B3, thị xã H9, tỉnh H10. N2 nhờ O xin cho H vào làm kế toán ở Trung tâm huyết học và truyền máu N. O đã nhận hồ sơ và 150.000.000đ, nhưng không thực hiện.

5. Chị Nguyễn Thị Hồng N1, sinh năm 1992, trú ở thành phố V, tỉnh N. N2 nhờ O xin cho N1 vào làm kế toán ở Trung tâm huyết học và truyền máu N, O nói chi phí là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng). Cả hai đều thừa nhận là O đã nhận tiền của N2 để xin việc cho N1 nhưng không thực hiện.

6. Chị Nguyễn Cao Huyền T4, sinh năm 1993, trú tại đường N3, phường V2, thành phố V, tỉnh N. N2 nhờ O xin cho T4 vào làm điều dưỡng ở Trung tâm huyết học và truyền máu N. O nói chi phí là 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng). N2 đồng ý và chuyển cho O một số tiền 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng), nhưng O không xin được.

7. Chị Dương Hoàng T5, sinh năm 1992 (không xác định được địa chỉ cụ thể). N2 nhờ O xin cho T5 vào làm kế toán ở Trung tâm huyết học và truyền máu N. O nói chi phí là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng). Cả hai đều thừa nhận là O đã nhận tiền của N2 để xin việc cho T5 nhưng không thực hiện.

8. Chị Nguyễn Thị Phương L1, sinh năm 1992 (không xác định được địa chỉ cụ thể). N2 nhờ O xin cho L1 vào làm kế toán ở Trung tâm huyết học và truyền máu N. O nói chi phí là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng). N2 đồng ý và chuyển tiền cho O, nhưng không thực hiện việc xin việc.

9. Chị P1. Sinh năm 1992. N2 nhờ O xin cho P1 vào làm kế toán ở Trung tâm huyết học và truyền máu N. O nói chi phí là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng). N2 đồng ý và tiền chuyển cho O nhưng không xin được việc.

10. Chị Hoàng Thị Q, sinh năm 1987, trú ở thành phố V, tỉnh N. N2 nhờ O xin cho Q vào làm kế toán ở Bệnh viện sản nhi N. O nói chi phí là 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng). N2 đồng ý và chuyển tiền cho O nhưng không xin được việc.

Sau khi nhận từ Đoàn Thị Lê N2 tiền và 10 bộ hồ sơ xin việc của 10 lao động nêu trên, Ngô Thị O không xin được việc làm cho bất cứ trường hợp nào như đã hứa hẹn. Đến ngày 24/4/2017, do không xin được việc nên Đoàn Thị Lê N2 và Ngô Thị O đã thống nhất số tiền O đã nhận từ N2 để xin việc làm cho 10 lao động nêu trên là 1.154.000.000đ (một tỷ một trăm năm mươi tư triệu đồng), O đã trả lại cho N2 số tiền 656.000.000đ (sáu trăm năm mươi sáu triệu đồng), số còn lại O nợ N2 là 498.000.000đ (bốn trăm chín mươi tám triệu đồng). Ngày 31/10/2018, Ngô Thị O trả tiếp cho Đoàn Thị Lê N2 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng) và chốt sổ O còn nợ N2 428.000.000đ (bốn trăm hai mươi tám triệu đồng).

Quá trình điều tra, Ngô Thị O và Nguyễn Thị H đã khắc phục cho Đoàn Thị Lê N2 số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng). Hiện tại Đoàn Thị Lê N2

yêu cầu Ngô Thị O trả lại số tiền 328.000.000đ (ba trăm hai mươi tám triệu đồng) mà O đang chiếm đoạt của N2.

Trong năm 2014 và năm 2015 Nguyễn Thị H đã nhận từ Ngô Thị O hồ sơ và tiền của lao động Dương Thị T3, số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) nhưng không làm giấy tờ giao nhận; hồ sơ của lao động Nguyễn Cao Huyền T4, số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), trường hợp này H có ký nhận tiền vào sổ tay ghi chép của Ngô Thị O, các hồ sơ và số tiền còn lại H không nhận từ O và cũng không biết các lao động như O đã khai. Tổng H đã nhận tại O là 02 hồ sơ xin việc làm và 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).

Tại Công văn số 468 ngày 28/8/2019 của Trung tâm huyết học, truyền máu N trả lời: Các cá nhân Nguyễn Cao Huyền T4, Hoàng Trung T6, Đoàn Mạnh C2, Đậu Thị Hải Y, Nguyễn Thị Hồng N1, Dương Hoàng T5, Nguyễn Thị Phương L1, Chị P1, sinh năm 1992 không thấy thông tin nào tại Trung tâm. Võ Thị Thanh H, không trúng tuyển và Trung tâm không tiếp nhận hồ sơ xin việc của Dương Thị T3.

Tại Công văn số 536 ngày 26/8/2019 của Bệnh viện sản nhi N trả lời: Năm 2016, Bệnh viện có tiếp nhận hồ sơ tham gia xét tuyển vị trí nhân viên kế toán của chị Hoàng Thị Q, nhưng không trúng tuyển.

Như vậy, tổng số tiền Ngô Thị O đã nhận của Đoàn Thị Lê N2 là 1.154.000.000đ (một tỷ một trăm năm mươi tư triệu đồng), O đã trả cho N2 chỉ còn lại: 428.000.000đ, Ngô Thị O phải chịu trách nhiệm hình sự toàn bộ số tiền trên. Nguyễn Thị H phải chịu trách nhiệm hình sự số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).

Vụ thứ hai:

Do quen biết nhau đã lâu giữa Ngô Thị O và Nguyễn Thị T2, nên khoảng tháng 3 năm 2015, O nói với T2 là có ai học Y khoa mà chưa xin được việc thì nói với O, O sẽ xin việc cho, mỗi suất vào Trung tâm huyết học, truyền máu N là 160.000.000đ (một trăm sáu mươi triệu đồng), phải đặt cọc trước 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) còn T2 lấy bao nhiêu tiền thì tùy T2.

Khoảng tháng 8 năm 2015, Nguyễn Thị T2 gặp và quen anh Phan Nhật L2, sinh năm 1986, trú tại xã Đ, huyện T7, tỉnh N. Thông qua anh L2, T2 đã gặp và nói với Trịnh Thị Y, sinh năm 1993, trú tại xóm 1A, xã T8, huyện T7, tỉnh N nói chi phí để xin vào làm việc tại Trung tâm huyết học truyền máu N là 210.000.000đ (hai trăm mười triệu đồng), T2 hứa trong vòng 02 tuần, T2 sẽ xin được việc cho Trịnh Thị Y.

Đến khoảng ngày 01/9/2015, T2 đã nhận tiền đặt cọc 40.000.000đ của Y và đưa số tiền đó cùng hồ sơ cho Ngô Thị O. Khi nhận tiền và hồ sơ, O viết giấy nhận tiền đưa cho T2. Ngày 31/3/2016, O yêu cầu T2 nói với Y phải nộp 10.000.000đ (mười triệu đồng) nữa. Bà Lê Thị O (mẹ của Y) cùng Y đã giao trực tiếp cho Nguyễn Thị T2 10.000.000đ (mười triệu đồng).

Khoảng cuối tháng 11 năm 2016 (không xác định được ngày), O nói với T2 là thu thêm từ Y số tiền 110.000.000đ (một trăm mười triệu đồng) cho đủ

160.000.000đ (một trăm sáu mươi triệu đồng) như cam kết ban đầu. Để hưởng lợi ích riêng, Nguyễn Thị T2 đã yêu cầu Trịnh Thị Y phải nộp 160.000.000đ (một trăm sáu mươi triệu đồng) cho T2. Ngày 02/12/2016, Y cùng mẹ là Lê Thị O và anh Phan Nhật L2 đã giao cho T2 160.000.000đ (một trăm sáu mươi triệu đồng). T2 hứa với Y là trong vòng 06 tháng nữa sẽ có quyết định biên chế cho Y. Sau khi nhận tiền, Nguyễn Thị T2 đã đưa cho Ngô Thị O 110.000.000đ (một trăm mười triệu đồng, còn 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) T2 giữ lại để sử dụng riêng. Quá trình O nhận tiền của T2 và T2 nhận tiền của Y đều có giấy tờ ghi nhận đầy đủ.

Để tạo lòng tin với Y, O đã nói với T2 bảo Y hãy tự nộp hồ sơ xin học việc tại Trung tâm huyết học truyền máu N để xin học việc trước khi có Quyết định đi làm chính thức, và Y được Trung tâm tiếp nhận cho học việc. Y học việc ở Trung tâm trong thời gian từ 7/12/2016 đến 2/8/2017. Sau một thời gian, T2 và O không xin được cho Y như đã hứa. Nguyễn Thị T2 đã đưa Trịnh Thị Y và anh Phan Nhật L2 đến nhà Ngô Thị O để hỏi vấn đề xin việc của Y. Tại đây, O thừa nhận là người nhận tiền và xin việc cho Y, đồng thời cam kết sẽ xin được việc làm cho Y, nếu không xin được O sẽ trả lại tiền cho Y đầy đủ. Tuy nhiên, khi không xin được việc, Ngô Thị O và Nguyễn Thị T2 cũng không trả tiền lại cho Trịnh Thị Y.

Sau khi nhận hồ sơ và số tiền 160.000.000đ (một trăm sáu mươi triệu đồng) từ Nguyễn Thị T2, Ngô Thị O giao cho Nguyễn Thị H 50.000.000đ (năm triệu đồng), gọi là tiền đặt cọc xin việc làm của Trịnh Thị Y. Sau đó, H đã liên hệ với ông Lưu Đình C1 để nhờ ông C1 xin việc làm cho Y, nhưng không xin được, ông C1 đã trả lại tiền cho H.

Kết quả điều tra, xác minh tại Trung tâm huyết học, truyền máu tỉnh N ngày 27, 28 tháng 12 năm 2018: Từ trước đến nay chị Trịnh Thị Y không là biên chế, công chức của Trung Tâm huyết học và truyền máu N.

Trong vụ án này, Nguyễn Thị T2 đã nhận của Trịnh Thị Y là 210.000.000đ (hai trăm mười triệu đồng) nên Nguyễn Thị T2 phải chịu trách nhiệm hình sự toàn bộ số tiền đã nhận. Ngô Thị O nhận từ Nguyễn Thị T2 tiền xin việc của Trịnh Thị Y là 160.000.000đ (một trăm sáu mươi triệu đồng) và Nguyễn Thị H nhận từ Ngô Thị O tiền xin việc của Trịnh Thị Y là 50.000.000đ (năm triệu đồng), nên với vai trò đồng phạm O và H cũng phải chịu trách nhiệm hình sự với số tiền đã nhận.

Vụ thứ ba:

Ngày 24/7/2015, ông Lê Văn L3, sinh năm 1953, trú tại khối 04, thị trấn D1, huyện T7, tỉnh N đưa cho O hồ sơ và 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) tiền đặt cọc để xin cho cháu Nguyễn Hoài A, sinh ngày 19/10/1993 trú tại xóm M, ở xã H11, thành phố V, vào làm việc tại Trung tâm huyết học truyền máu N. Sau khi nhận tiền O viết giấy nhận tiền cho ông L3 lưu giữ.

Ngày 03/11/2015, ông L3 đã đưa cho O hồ sơ và 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) để O xin cho cháu Nguyễn Thị L4, sinh năm 1993, trú tại xóm 9, xã H12, huyện N4, tỉnh N vào làm tại Trung tâm huyết học truyền máu N. Sau khi nhận tiền O viết giấy nhận tiền cho ông L3.

Tuy nhiên đến năm 2018, O cũng không xin được biên chế cho 02 cháu Nguyễn Hoài A, Nguyễn Thị L4 nên ông L3 đòi O trả lại tiền. Sau nhiều lần hứa hẹn, ngày 17/9/2018, Ngô Thị O có trả cho ông Lê Văn L3 số tiền 23.000.000 đ (hai mươi ba triệu đồng). Số tiền còn lại 47.000.000đ (bốn mươi bảy triệu đồng) O không chịu trả lại nên ông L3 đã yêu cầu Ngô Thị O viết giấy nội dung “chốt nợ đến ngày 17/9/2018 số tiền là 47.000.000đ (bốn mươi bảy triệu đồng)”.

Sau khi nhận hồ sơ xin việc và số tiền 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng) của ông L3, O đưa cho H tất cả. Khi O đưa tiền cho Nguyễn Thị H thì không viết giấy ghi nhận gì cả. Nguyễn Thị H nhận hồ sơ và 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng) từ O rồi liên hệ với Lưu Đình C1 để nhờ ông C1 xin việc cho L4 và A nhưng ông C1 không xin được nên ông C1 đã trả tiền cho H.

Tại Công văn số 468 ngày 28/8/2019 của Trung tâm huyết học, truyền máu N trả lời thông tin liên quan đến công tác tuyển dụng viên chức: Các cá nhân Nguyễn Hoài A và Nguyễn Thị L4 không thấy có thông tin tại Trung tâm huyết học, truyền máu N.

Tổng số tiền Ngô Thị O và Nguyễn Thị H đã chiếm đoạt của ông Lê Văn L3 là 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng).

Vụ thứ tư:

Khoảng tháng 3 năm 2015, thông qua người quen, anh Nguyễn Bùi H13, sinh 1970, trú tại xã C2, huyện T7, tỉnh N quen biết và nhờ chị Doãn Thị T10, sinh 1982, trú tại khối 9, phường L, thành phố V, tỉnh N xin cho Nguyễn Thị Hoài T9, sinh ngày 09/5/1993, con gái anh H13. Chị T10 đã đặt vấn đề nhờ bà Thái Thị L5, sinh năm 1958, trú tại Khối 8, phường L, thành phố V, tỉnh N xin việc cho Nguyễn Thị Hoài T9. Bà L5 đồng ý xin cho T9 vào làm việc tại bệnh viện đa khoa N và đưa ra mức chi phí là 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng), Anh H13 đã đưa cho bà L5 250.000.000đ, nhưng không xin được việc tại bệnh viện đa khoa N.

Sau đó bà L5 đã gặp Ngô Thị O, O đã đồng ý xin cho cháu T9 vào trung tâm huyết học truyền máu N với chi phí là 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng).

Ngày 05/7/2016, chị Lan, chị T10 và Ngô Thị O đã gặp nhau, O đồng ý xin việc cho Nguyễn Thị Hoài T9 vào làm dài hạn hoặc biên chế tại Trung tâm huyết học truyền máu N. Số tiền 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng), O đồng ý nhận từ bà L5 chuyển sang và viết giấy nhận tiền với nội dung là nhận từ chị T10.

Đến tháng 3 năm 2017, chị T9 được vào học việc (tự đóng học phí) tại Trung tâm huyết học truyền máu N. Ngày 30/8/2017, Nguyễn Thị Hoài T9 được Trung tâm huyết học truyền máu N ra Quyết định về việc ký hợp đồng lao động thời vụ với thời hạn 3 tháng (từ 15/9/2017 đến ngày 14/12/2017). Thời gian thực hiện hợp đồng chủ yếu là 2 ngày cuối tuần gồm Thứ 7 và chủ nhật, tiền công tính theo ngày lao động thực tế. Do đây không phải là hợp đồng làm việc dài hạn đối với viên chức nên anh Nguyễn Bùi H13 không chấp nhận Quyết định này, vì khi

xin việc 2 bên cam kết là vào làm dài hạn hoặc biên chế. Anh Nguyễn Bùi H13 yêu cầu Doãn Thị T10 và Ngô Thị O trả lại tiền. Chị Doãn Thị T10 đã nhiều lần yêu cầu Ngô Thị O trả lại số tiền 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng) nhưng Ngô Thị O vẫn không trả. Ngày 22/4/2019, chị Doãn Thị T10 đã làm đơn tố cáo Ngô Thị O về hành vi chiếm đoạt số tiền 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng) của chị T10.

Tại Công văn số 468 ngày 28/8/2019 của Trung tâm huyết học, truyền máu N trả lời: Nguyễn Thị Hoài T9, sinh ngày 09/5/1993, tại xóm 5A, xã C2, huyện T7, tỉnh N; trình độ chuyên môn Y sỹ, chuyển đổi Điều dưỡng viên có trực tiếp nộp hồ sơ xin học việc kèm theo đơn đề nghị thực hành chuyên môn điều dưỡng 09 tháng (từ 06/3/2017 đến 06/12/2017) tại Khoa máu tổng hợp của Trung tâm. Trong thời gian học việc Nguyễn Thị Hoài T9 có ký và thực hiện hợp đồng lao động theo vụ việc có thời hạn dưới 12 tháng, không phải hợp đồng làm việc đối với viên chức. Trong khoảng thời gian từ năm 2015 đến nay, Trung tâm không tiếp nhận hồ sơ xin việc, không ký hợp đồng dài hạn đối với chị Nguyễn Thị Hoài T9.

Số tiền Ngô Thị O về hành vi chiếm đoạt của chị Doãn Thị T10 là 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng).

Vụ thứ năm:

Khoảng năm 2015, sau khi có thông tin từ bạn bè nói Ngô Thị O có thể xin được việc cho người khác vào làm việc tại các Bệnh viện trên địa bàn tỉnh N, bà Hoàng Thị X, sinh năm 1969, trú tại TT Đ1, huyện Đ1, N điện thoại cho O để đặt vấn đề nhờ O xin cho Nguyễn Thị Tuyết T11 (con gái bà X), sinh ngày 29/4/1995, tốt nghiệp Trung cấp y khoa nhưng chưa xin được việc làm. Ngô Thị O đồng ý và khẳng định sẽ xin được cho cháu T11 vào bên chế làm việc tại Trung tâm huyết học, truyền máu N vì O có quen biết lãnh đạo sở Y tế N. Chi phí xin việc là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng).

Ngày 31 tháng 3 năm 2016, O thông báo với bà X là phải chuyển đổi bằng cho cháu T11 từ y sỹ đa khoa sang ngành điều dưỡng thì Trung tâm huyết học, truyền máu N mới nhận, O yêu cầu bà X chuyển 10.000.000đ (mười triệu đồng) cho O để O lo thủ tục. Bà X chuyển tiền cho O theo yêu cầu.

Ngày 24 tháng 10 năm 2016, tại nhà Ngô Thị O, bà Hoàng Thị X cùng chồng là ông Nguyễn Văn Q1 tiếp tục giao 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) và hồ sơ xin việc của cháu Nguyễn Thị Tuyết T11. Ngô Thị O viết giấy nhận tiền và hứa sau 01 tháng Trung tâm huyết học, truyền máu N sẽ có Quyết định tuyển dụng vào biên chế cho cháu T11.

Sau khi nhận của bà X, Ngô Thị O đã đưa cho Nguyễn Thị H 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) tiền đặt cọc xin việc làm cho cháu T11, H đã liên hệ với ông Lưu Đình C1 để nhờ ông C1 xin việc cho Nguyễn Thị Tuyết T11, nhưng sau khi không xin được việc làm, ông C1 đã trả lại tiền cho H. Sau gần 02 năm, cháu T11 vẫn không có quyết định tuyển dụng. Sau nhiều lần đòi lại tiền thì Ngô Thị O đã trả lại cho bà Hoàng Thị X được 140.000.000đ (một trăm bốn mươi triệu đồng).

Tại Công văn số 468 ngày 28/8/2019 của Trung tâm huyết học, truyền máu N trả lời thông tin liên quan đến công tác tuyển dụng viên chức về cá nhân Nguyễn Thị Tuyết T11, sinh ngày 29/4/1995, trú tại khối 04, TT Đ1, huyện Đ1, tỉnh N không thấy thông tin nào tại Trung tâm.

Ngô Thị O nhận của bà Hoàng Thị X 210.000.000đ (hai trăm mười triệu đồng). Nên O phải chịu trách nhiệm hình sự toàn bộ số tiền đã nhận; Nguyễn Thị H nhận tiền từ Ngô Thị O để xin việc, với vai trò đồng phạm Nguyễn Thị H phải chịu trách nhiệm hình sự với số tiền đã nhận là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng). Trước khi khởi tố vụ án thì O đã trả cho bà X 140.000.000đ, sau khi khởi tố trả tiếp 30.000.000đ. Còn lại 40.000.000đ.

Vụ thứ sáu:

Khoảng tháng 6 năm 2015, thông qua người quen bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1962, trú tại xóm 11, xã Đ2, huyện Đ1, tỉnh N đã chủ động gọi điện thoại cho Ngô Thị O để đặt vấn đề nhờ O xin cho Hoàng Trung T6, sinh ngày 06/5/1995 (con trai bà L2) tốt nghiệp y khoa nhưng chưa xin được việc làm. O đồng ý và đưa ra chi phí xin việc làm là 160.000.000đ (một trăm sáu mươi triệu đồng) nhưng phải đặt cọc tiền trước 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) thì sẽ xin cho T6 vào biên chế tại Trung tâm huyết học, truyền máu N, O hứa trong khoảng thời gian 03 tháng là sẽ có quyết định biên chế cho cháu T6.

Ngày 26 tháng 10 năm 2015, tại nhà Ngô Thị O, bà L2 và cháu T6 đã giao cho O 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) để O xin việc làm cho Hoàng Trung T6 và Ngô Thị O đã viết giấy biên nhận. Ngày 31 tháng 3 năm 2016, bà L2 đã chuyển vào tài khoản của Ngô Thị O tại ngân hàng BIDV chi nhánh Đ1 10.000.000đ (hai mươi triệu đồng) như O yêu cầu để chuyển đổi ngành điều dưỡng. Để tạo lòng tin, O đã nói với bà L2 và cháu T6 tự nộp hồ sơ và học phí để học việc trước, vì chuẩn bị có quyết định. Hoàng Trung T6 đã nộp hồ sơ học việc tại Trung tâm huyết học N và được Trung tâm cho học việc tại đây.

Ngày 20 tháng 5 năm 2016, O thông báo với bà L2 là sắp có Quyết định biên chế cho cháu T6, yêu cầu bà L2 phải nộp tiếp cho O 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng). Ngô Thị O nhận tiền và viết giấy biên nhận. O hứa với bà L2 sau 01 tuần là có Quyết định biên chế cho Hoàng Trung T6.

Sau khi nhận tiền của bà L2, Ngô Thị O đã đưa cho Nguyễn Thị H 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) tiền đặt cọc xin việc. H tiếp tục liên hệ với ông Lưu Đình C1 để nhờ ông C1 xin việc cho Hoàng Trung T6, nhưng sau khi không xin được ông C1 đã trả lại tiền cho H. Hơn 01 năm sau không có quyết định cho Hoàng Trung T6 nên bà L2 yêu cầu Ngô Thị O trả lại tiền. Sau nhiều lần hứa hẹn, O đã trả lại cho bà L2 được 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng). Ngày 06/01/2019, bà Hoàng Thị L2 làm đơn tố cáo Ngô Thị O về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Tại Công văn số 468 ngày 28/8/2019 của Trung tâm huyết học, truyền máu N trả lời thông tin liên quan đến công tác tuyển dụng viên chức về cá nhân Hoàng Trung T6, sinh ngày 06/5/1995, trú tại xóm 11, xã Đ2, huyện Đ1, tỉnh N không thấy thông tin nào tại Trung tâm.

Ngô Thị O nhận của bà Nguyễn Thị L2 là 110.000.000đ (một trăm mười triệu đồng) nên O phải chịu trách nhiệm hình sự số tiền đã nhận; Nguyễn Thị H nhận tiền từ Ngô Thị O để xin việc, với vai trò đồng phạm Nguyễn Thị H phải chịu trách nhiệm hình sự với số tiền đã nhận là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng). Trước khi khởi tố vụ án thì O đã trả cho bà L2 30.000.000đ, sau khi khởi tố thì O trả tiếp 40.000.000đ. Còn lại 40.000.000đ.

Vụ thứ bảy:

Khoảng cuối năm 2016, thông qua người quen, ông Bùi Văn H14, sinh năm 1967, trú tại xóm 03, xã T12, huyện A1, tỉnh N đến nhà Ngô Thị O để nhờ O xin việc cho con gái, O đồng ý xin cho Bùi Thị H15 vào làm việc tại Bệnh viện đa khoa huyện A1 với chi phí xin việc là 170.000.000đ (một trăm bảy mươi triệu đồng) và hứa chắc chắn sẽ xin được việc.

Theo yêu cầu của Ngô Thị O ngày 16/01/2017, tại nhà Ngô Thị O, ông Bùi Văn H14 đã giao 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) cho O. Việc giao tiền được thể hiện bằng giấy vay tiền, mặt sau giấy vay tiền Ngô Thị O viết “*về việc thi tuyển và xét tuyển của cháu Bùi Thị H15, sinh 28/10/1995 về huyện A1*”. Ngày 26/6/2017, chị Bùi Thị H15 chuyển tiếp 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) vào tài khoản của Ngô Thị O qua ngân hàng Agribank chi nhánh huyện A1. Nhưng O không xin được và hứa là sẽ xin cho Bùi Thị H15 vào làm việc ở Bệnh viện hữu nghị đa khoa N. Trong quá trình nhờ O xin việc cho chị H15, anh H14 tiếp tục nhờ O xin cho Bùi Văn H16 (con trai ông H14) vào làm việc tại Bệnh viện đa khoa N vì đã học Y khoa ra trường nhưng chưa có việc làm. Ngô Thị O đồng ý. Tổng số tiền Ngô Thị O đã nhận của ông Bùi Văn H14 để xin việc cho Bùi Thị H15 và Bùi Văn H16 là 420.000.000đ (Bốn trăm hai mươi triệu đồng) có viết giấy nhận tiền đầy đủ.

Sau khi nhận tiền xin việc làm cho Bùi Thị H15 và Bùi Văn H16, Ngô Thị O đã giao hồ sơ và 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) cho Nguyễn Thị H, gọi là tiền đặt cọc xin việc như H đã thỏa thuận với O trước đó, nhưng không xin được.

Đến nay, Bùi Thị H15 và Bùi Văn H16 đều không được vào làm việc tại Bệnh viện hữu nghị đa khoa N, cũng như khu B, Bệnh viện hữu nghị đa khoa N như hứa hẹn của O. Ngày 26/4/2019, ông Bùi Văn H14 làm đơn tố cáo về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Ngô Thị O.

Tại Công văn trả lời số 394 ngày 24/7/2019 của Bệnh viện đa khoa huyện A1: Trong năm 2017, đơn vị không tiếp nhận được hồ sơ xin việc cá nhân Bùi Thị H15. Tại Công văn trả lời số 1157 ngày 24/7/2019 của Bệnh viện hữu nghị đa khoa tỉnh N: Trong năm 2017, 2018 Bệnh viện không nhận được hồ sơ xin việc ông Bùi Văn H16. Ngày 23/5/2018, bà Bùi Thị H15, sinh ngày 28/10/1995 có tham gia thi tuyển nhưng không đậu nên không được tiếp nhận vào Bệnh viện để học tập và làm việc.

Ngô Thị O nhận của ông Bùi Văn H14 là 420.000.000đ (bốn trăm hai mươi triệu đồng) nên O phải chịu trách nhiệm hình sự toàn bộ số tiền đã nhận; Nguyễn Thị H nhận tiền từ Ngô Thị O để xin việc, với vai trò đồng phạm Nguyễn Thị H phải chịu trách nhiệm hình sự với số tiền đã nhận là 100.000.000đ (một trăm

triệu đồng). Sau khi khởi tố đã trả số tiền đã nhận là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) cho ông Hà. Hiện còn lại 320.000.000đ.

Vụ thứ tám:

Đầu năm 2017, ông Nguyễn Đức V3, sinh năm 1963, trú tại xã H17, huyện H4, tỉnh N gặp Ngô Thị O để đặt vấn đề xin việc cho Nguyễn Thị M1 (con gái ông V3) sinh ngày 24/4/1993, tốt nghiệp khoa kế toán Đại học V nhưng chưa có việc làm, O đồng ý và hứa sẽ xin cho Mai vào làm việc kế toán tại Bệnh viện đa khoa thành phố V vì O có quen biết Lãnh đạo Sở y tế N, với chi phí xin việc 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng).

Ngày 25/5/2017, ông V3 đưa cho O số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng). Ngày 01/6/2017, ông V3 tiếp tục đưa cho O số tiền là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng). Hai khoản tiền này Ngô Thị O ghi nhận tại 01 (một) phiếu nhận tiền ghi ngày 01/6/2017. Ngô Thị O không xin được cho Nguyễn Thị M1 vào kế toán tại Bệnh viện đa khoa thành phố V, sau đó hứa vào làm việc tại Khu B Bệnh viện hữu nghị đa khoa N thuộc Công ty CP hữu nghị đa khoa N và O nói Nguyễn Thị M1 tự nộp hồ sơ tại Khu B của Bệnh viện hữu nghị đa khoa N.

Ngày 24/12/2017, ông Nguyễn Đức V3 viết giấy ghi nhận việc O nhận của ông V3 số tiền 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) để xin việc làm cho cháu Nguyễn Thị M1. Sau khi nhận hồ sơ và tiền xin việc làm cho Nguyễn Thị M1, Ngô Thị O đã chuyển hồ sơ xin việc của Mai cho Nguyễn Thị H, còn tiền thì H không nhận và cũng không biết O đã nhận bao nhiêu, vì thời điểm nhận hồ sơ, O nói với H là do H đang nợ tiền O nên O không đưa tiền cho H nữa, nên H không xin việc cho Nguyễn Thị M1.

Khoảng tháng 8 năm 2018 (không nhớ ngày cụ thể) Ngô Thị O thừa nhận với ông Nguyễn Đức V3 là không thể xin việc được cho cháu M1 và hứa sẽ trả lại tiền cho ông V3 nhưng vẫn không trả. Ngày 20/3/2019, ông Nguyễn Đức V3 đã làm đơn tố cáo hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Ngô Thị O.

Tại Công văn số 639 ngày 17/6/2019 của Bệnh viện đa khoa thành phố V trả lời: Từ tháng 01/2017 đến tháng 01/2018, Bệnh viện không tiếp nhận hồ sơ tuyển dụng nào có tên Nguyễn Thị M1, sinh ngày 24/4/1993. Chị Nguyễn Thị M1 có đơn xin học đề nâng cao nghiệp vụ kế toán, thời gian 03 tháng (29/5/2017 đến 29/8/2017). Sau thời gian học nâng cao Bệnh viện không bố trí bất cứ việc gì. Tại Công văn số 06 ngày 16/9/2019, Bệnh viện hữu nghị đa khoa N trả lời: Trong năm 2017, 2018 Bệnh viện có tuyển nhân viên làm việc nhưng không nhận được hồ sơ xin việc của cá nhân Nguyễn Thị M1, sinh ngày 24/4/1993 trú tại xóm 07, xã H17, huyện H4, tỉnh N.

Tổng số tiền Ngô Thị O đã chiếm đoạt của ông Nguyễn Đức V3 là 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng). Sau khi khởi tố đã trả 80.000.000đ, hiện còn 70.000.000đ.

Vụ thứ chín:

Đầu năm 2017, thông qua người quen bà Phan Thị H18, sinh năm 1965, trú tại xã X1, huyện N5, tỉnh H10 đã chủ động liên lạc với Ngô Thị O để đặt vấn

đề nhờ xin việc cho hai con của mình là Phạm Thị Tú U, sinh ngày 01/4/1994 và Phạm Vương T13, sinh ngày 11/8/1987 đã tốt nghiệp y khoa nhưng chưa xin được việc làm. Qua trao đổi, O đồng ý sẽ xin được việc cho các cháu vào làm việc tại các Bệnh viện trên địa bàn tỉnh N. Từ ngày 30/3/2017 đến đầu tháng 5 năm 2017, Ngô Thị O đã nhận của bà H18 để xin việc cho Phạm Thị Tú U là 98.000.000đ (chín mươi tám triệu đồng) để làm việc ở Bệnh viện Quốc tế V nhưng không được, O nói với bà H18 là chuyển sang để xin cho anh T13 vào làm việc ở khoa Dược thuộc Khu B Bệnh viện hữu nghị đa khoa N thuộc Công ty CP hữu nghị đa khoa N, nhưng một suất vào khu B, Bệnh viện hữu nghị đa khoa N là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng). Sau đó, O còn nói với bà H18 xin luôn cho cháu U vào làm việc tại bộ phận chăm sóc khách hàng ở khu B, Bệnh viện hữu nghị đa khoa N, bà H18 đồng ý.

Tổng số tiền Ngô Thị O đã nhận của bà Phan Thị H18 để xin việc làm là 125.400.000đ (một trăm hai mươi lăm triệu bốn trăm nghìn đồng) và 02 bộ hồ sơ xin việc vào khu B, Bệnh viện hữu nghị đa khoa N của Phạm Vương T13 và Phạm Thị Tú U. Ngô Thị O không xin được việc như hứa hẹn, nhiều lần bà H18 tìm gặp để đòi lại số tiền trên nhưng O vẫn không trả. Ngày 18/3/2019, bà Phan Thị H18 làm đơn tố cáo hành vi chiếm đoạt tài sản của Ngô Thị O.

Tại Công văn số 06 ngày 16/9/2019, Bệnh viện hữu nghị đa khoa N trả lời: Trong năm 2017, 2018 Bệnh viện có tuyển nhân viên làm việc nhưng không nhận được hồ sơ xin việc của cá nhân Phạm Thị Tú U, sinh ngày 01/4/1994 và Phạm Vương T13, sinh ngày 11/8/1987.

Ngô Thị O đã chiếm đoạt của bà Phan Thị H18 số tiền là 125.400.000đ (một trăm hai mươi lăm triệu bốn trăm nghìn đồng). Sau khi khởi tố đã trả 70.000.000đ, còn lại số tiền 55.400.000đ.

Vụ thứ mười:

Khoảng tháng 10 năm 2017, chị Lê Thị Q, sinh năm 1996, trú tại thôn 09, xã L4, huyện A1, tỉnh N được anh Hoàng Ngọc B4, sinh 1957, trú tại khối 22, phường H19, thành phố V, tỉnh N đưa đến gặp Ngô Thị O để đặt vấn đề nhờ O xin vào làm việc tại các Bệnh viện trên địa bàn thành phố V. O đồng ý xin cho Lê Thị Q vào làm việc tại Bệnh viện 115 N với chi phí xin vào làm việc là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng). Chị Q đồng ý. Để tạo sự tin tưởng, Ngô Thị O đã đưa chị Q đến gặp anh Hồ X Minh là bác sỹ làm việc tại Bệnh viện 115 N để nhờ anh Minh xin cho Lê Thị Q vào học việc tại đây. Anh Minh đồng ý nạp hồ sơ học việc cho chị Q.

Theo yêu cầu của O, từ ngày 28/10/2017 đến ngày 09/01/2018, chị Q đã đưa cho O số tiền 100.000.000đ, O đã nhận tiền và viết giấy nhận tiền đưa cho chị Q.

Từ tháng 11/2017 đến tháng 4/2019, Lê Thị Q vào học việc không hưởng lương tại Bệnh viện 115 N. Do đợi mãi không có Quyết định tuyển dụng nên Lê Thị Q đã tự động nghỉ học việc tại đây. Lê Thị Q đã nhiều lần yêu cầu O trả lại tiền nhưng O không chịu trả.

Tại Công văn ngày 04/7/2019 của Bệnh viện đa khoa 115 N trả lời: Ngày 06/11/2017, Bệnh viện nhận được hồ sơ xin học việc của Nguyễn Thị Q, sinh ngày 20/8/1996, trú tại thôn 9, xã L4, huyện A1, tỉnh N, Sau thời gian thực hành chị Q chưa đáp ứng được nhu cầu tuyển dụng và không được tuyển dụng vào Bệnh viện nên chị Q xin nghỉ học việc.

Số tiền Ngô Thị O đã chiếm đoạt của chị Lê Thị Q là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 170/2019/HS-ST ngày 02/12/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh N đã quyết định:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự 2015. Xử phạt bị cáo Ngô Thị O 10 (mười) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù được tính từ ngày 28/12/2018.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 03 (ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Buộc bị cáo Ngô Thị O phải trả tiền cho những người bị hại như sau:

- Buộc bị cáo Ngô Thị O trả lại cho chị Đoàn Thị Lê N2 số tiền 328.000.000đ (ba trăm hai mươi tám triệu đồng).
- Buộc bị cáo Ngô Thị O trả lại cho ông Lê Văn L3 số tiền 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng).
- Buộc bị cáo Ngô Thị O trả lại cho anh Nguyễn Bùi H13 số tiền 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng).
- Buộc bị cáo Ngô Thị O trả lại cho bà Hoàng Thị X số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng).
- Buộc bị cáo Ngô Thị O trả lại cho bà Nguyễn Thị L2 số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng).
- Buộc bị cáo Ngô Thị O trả lại cho ông Bùi Văn H14 số tiền 320.000.000đ (ba trăm hai mươi triệu đồng).
- Buộc bị cáo Ngô Thị O trả lại cho ông Nguyễn Đức V3 số tiền 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng).
- Buộc bị cáo Ngô Thị O trả lại cho bà Phan Thị H18 số tiền 55.400.000đ (năm mươi lăm triệu bốn trăm nghìn đồng).
- Buộc bị cáo Ngô Thị O trả lại cho chị Lê Thị Q số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).
- Buộc chị Đoàn Thị Lê N2 phải trả cho ông Nguyễn Hữu M2 số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu).
- Buộc chị Đoàn Thị Lê N2 phải cho chị Dương Thị T3 số tiền 140.000.000đ (một trăm bốn mươi triệu đồng)

Anh Đoàn Mạnh C2 có quyền khởi kiện yêu cầu Đoàn Thị Lê N2 trả lại tiền bằng một vụ kiện dân sự khác theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị T2; quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 09 tháng 12 năm 2019, bị cáo Ngô Thị O kháng cáo đề nghị xem xét toàn bộ số tiền nhận xin việc bị cáo đều giao cho Nguyễn Thị H, nhưng H không thừa nhận để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo;

Ngày 10 tháng 12 năm 2019, bị cáo Nguyễn Thị H kháng cáo đề nghị không xem xét áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần để giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Ngô Thị O bổ sung kháng cáo đề nghị xem xét bị cáo đã xin được việc cho anh Bùi Văn H16 vào công tác tại Bệnh viện hữu nghị đa khoa N; xin cho chị Trịnh Thị Y vào làm tại Trung tâm huyết học và truyền máu tỉnh N. Gia đình bị cáo xuất trình 02 biên lai thu số tiền 110 triệu đồng của Cục thi hành án dân sự tỉnh N.

Bị cáo Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích tính chất mức độ của hành vi phạm tội có ý kiến thể hiện: bị cáo H phạm tội nhiều lần nên không đủ điều kiện được hưởng án treo, mức hình phạt 03 năm tù là phù hợp. Bị cáo O có nhân thân xấu, phạm tội nhiều lần, tại phiên tòa chưa thành khẩn khai báo, quanh co; việc gia đình bị cáo khắc phục thiệt hại đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên đề nghị ghi nhận trong bản án. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo Ngô Thị O nhất trí với tội danh Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết đối với bị cáo, xác định bị cáo không bị oan. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét gia đình bị cáo đã tích cực khắc phục hậu quả để giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả xét hỏi và tranh luận công khai tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, người bào chữa, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng: Các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị H mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng

mặt không có lý do. Căn cứ điểm c Khoản 1 Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị cáo.

[2]. Về nội dung: Tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm bị cáo Ngô Thị O đều khẳng định sau khi không xin được việc thì đã chốt nợ với những người xin việc và một số người cụ thể là anh Bùi Văn H16 đã có quyết định vào công tác tại Bệnh viện hữu nghị đa khoa N, chị Trịnh Thị Y vào làm tại Trung tâm huyết học và truyền máu tỉnh N nên bị cáo không chiếm đoạt tài sản. Hội đồng xét xử, thấy: Có việc bị cáo nhận tiền và hồ sơ xin việc, trong số đó có một số người đã đi làm hợp đồng thời vụ tại Trung tâm huyết học; có một số trường hợp giữa bị cáo và người xin việc có làm văn bản chốt nợ. Tuy nhiên trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm những người xin việc đều xác nhận khi đưa hồ sơ và tiền cho bị cáo là để được làm cán bộ công chức hoặc viên chức, chứ không phải để học việc hoặc hợp đồng ngắn hạn như bị cáo khai, giữa họ và bị cáo có việc chốt nợ đó là số tiền xin việc mà bị cáo không chịu trả chứ không phải là tiền vay nợ. Căn cứ kết quả xác minh tại Trung tâm huyết học, truyền máu tỉnh N vào các ngày 27, 28 tháng 12 năm 2018 thể hiện chị Trịnh Thị Y không là biên chế, công chức của Trung Tâm huyết học và truyền máu N; Công văn trả lời số 1157 ngày 24/7/2019 của Bệnh viện hữu nghị đa khoa tỉnh N: Trong năm 2017, 2018 Bệnh viện không nhận được hồ sơ xin việc của ông Bùi Văn H16. Do đó, không có căn cứ để xem xét nội dung kháng cáo trên của bị cáo Ngô Thị O.

Căn cứ lời khai của các bị cáo đồng phạm là Nguyễn Thị H và Nguyễn Thị T2 thấy phù hợp với một số tình tiết trong lời khai của Ngô Thị O, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, phù hợp các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở xác định: Mặc dù không có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn bố trí việc làm cho người khác nhưng do cần tiền tiêu xài và trả nợ cá nhân nên trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến năm 2018 Ngô Thị O, Nguyễn Thị H đã có hành vi gian dối giới thiệu bản thân quen biết lãnh đạo Sở y tế tỉnh N nên sẽ xin được việc làm theo hợp đồng dài hạn hoặc biên chế tại các Bệnh viện hoặc Trung tâm truyền máu, huyết học trên địa bàn tỉnh N để chiếm đoạt tiền của các bị hại. Ngô Thị O đã thực hiện 10 vụ lừa đảo với tổng số tiền chiếm đoạt 1.873.400.000đ, trong số đó Nguyễn Thị H đã thực hiện 06 vụ lừa đảo với số tiền H đã chiếm đoạt là 420.000.000đ.

Bị cáo Ngô Thị O lừa đảo chiếm đoạt trên 500.000.000đ nên bị Tòa án nhân dân tỉnh N xét xử theo điểm a khoản 4 điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015; bị cáo Nguyễn Thị H lừa đảo chiếm đoạt trên 200.000.000đ nhưng dưới 500.000.000đ nên bị xét xử theo điểm a khoản 3 điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ.

[3]. Xét kháng cáo của bị cáo Ngô Thị O và Nguyễn Thị H, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy:

Hành vi phạm tội của các bị cáo Ngô Thị O, Nguyễn Thị H đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín của các Cơ quan, đơn vị khi tổ chức thi tuyển cán bộ,

công chức; ảnh hưởng đến cuộc sống, gây tâm lý hoang mang cho người dân. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trong thời gian dài, với nhiều người, nếu không bị phát hiện kịp thời thì có thể các bị cáo còn tiếp tục lừa đảo nhằm chiếm đoạt tài sản của nhiều người khác.

Trong vụ án này, Ngô Thị O là người khởi xướng và là người trực tiếp nhận tiền và các hồ sơ xin việc, thực hiện 10 hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, chiếm đoạt số tiền lớn, nên phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án. Bị cáo Nguyễn Thị H là người giúp sức tích cực cho Ngô Thị O thực hiện 06 hành vi lừa đảo với số tiền chiếm đoạt ít hơn bị cáo O.

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Nguyễn Thị H thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo O sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú, các bị cáo đã trả lại cho bị hại một phần số tiền đã chiếm đoạt là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa phúc thẩm gia đình bị cáo Ngô Thị O xuất trình biên lai thu của Cục thi hành án dân sự tỉnh N thể hiện bị cáo tiếp tục khắc phục số tiền 110.000.000đồng cho những người bị hại theo quyết định của bản án sơ thẩm. Tuy nhiên xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của Ngô Thị O thấy số tiền bồi thường trên không đáng kể so với số tiền bị cáo có nghĩa vụ bồi thường và đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo; Mặt khác, tại phiên tòa bị cáo còn loanh quanh chưa thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội.

Bị cáo Nguyễn Thị H thực hiện 06 hành vi lừa đảo và mỗi hành vi đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng “Phạm tội 2 lần trở lên” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự nên không đủ điều kiện được hưởng án treo.

Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ, chính xác các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo O 10 năm tù, bị cáo H 03 năm tù dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là phù hợp. Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của hai bị cáo.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí phúc thẩm: Các bị cáo kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm hình sự.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Ngô Thị O và Nguyễn Thị H; Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 170/2019/HS-ST ngày 02/12/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh N.

1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự 2015. Xử phạt bị cáo Ngô Thị O 10 (mười) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù được tính từ ngày 28/12/2018.

Ghi nhận bị cáo Ngô Thị O đã nộp số tiền 110.000.000đ để bồi thường khắc phục hậu quả theo biên lai thu số 0000797 và 0000798 ngày 21/12/2020 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh N.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 03 (ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

2. Về án phí: Các bị cáo Ngô Thị O và Nguyễn Thị H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật ngay sau khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh N;
- VKSND tỉnh N;
- Công an tỉnh N
- Cục THADS tỉnh N;
- Trại tạm giam CA tỉnh N;
- Bị cáo O (qua trại);
- Bị cáo H (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Thu Hà